

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v“Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yên Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Viết Tuân

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Ông V1 có mặt; bà H vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

Bà Đường Thị Ngọc T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Năm 2021 - 2022, bà Đ có tham gia 03 dây hội vụ do bà Phạm Thị H làm đầu thảo, hội đang hoạt động bình thường thì bà H tự ý ngưng khai hội nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 liên đới trả lại tiền hội đã đóng, cụ thể:

Dây hội quý 5.000.000đồng, mở hội ngày 01/9/2021 (dây A), 1 năm khai 4 lần, 03 tháng khai 1 lần, gồm 16 phần, bà Đ tham gia 1 phần, tên trong danh sách hội của tôi là Bà Út Đ1, tôi đóng hội được 8 lần với số tiền 25.100.000đồng. Dây hội này bà chơi chung với bà Đường Thị Ngọc T.

Dây hội quý 5.000.000 đồng, bắt đầu mở hội ngày mùng 1/9/2021 (dây B), 01 năm khai 04 lần, 03 tháng khai 1 lần, gồm có 16 phần, bà Đ1 tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là Bà Út Đ1, đóng hội được 08 lần với số tiền 26.750.000 đồng. Dây hội này bà Đ1 chơi chung với ông Nguyễn Văn P.

Dây hội vụ 5.000.000đồng, bắt đầu khai ngày mùng 15/4/2022, 01 năm khai 03 lần, 04 tháng khai 1 lần, gồm 11 phần, bà Đ1 tham gia 1 phần, tên trong danh sách hội là Bà Út Đ1, đã đóng được 4 lần với số tiền 12.250.000đồng, dây hội này bà Đ1 chơi chung với ông Võ Minh H1.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà Đ1 yêu cầu ông V1 và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 68.300.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Đ1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền hội bà Đ1 đã đóng của 03 dây hội với tổng số tiền 64.100.000đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn V1 trình bày: Ông V1 với bà H là vợ chồng hợp pháp. Ông V1 biết bà H có mở nhiều dây hội có nhiều người tham gia, bà H có sổ hội theo dõi các dây hội và ông V1 đã nộp cho Tòa án trong quá trình các hội viên khởi kiện. Trước yêu cầu của bà Đ1, ông V1 xác nhận bà Đ1 có tham gia 03 dây hội như bà Đ1 trình bày. Nay ông V1 đồng ý liên đới cùng bà H trả lại cho bà Đ1 tiền hội đã đóng tổng số tiền 64.100.000 đồng.

Bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà Đ1.

Bà Đường Thị Ngọc T trình bày: Bà T có tham gia nhiều dây hội do bà H làm đầu thảo. Bà T xác nhận bà Đ1 có tham gia chung với bà dây hội quý 5.000.000đồng, mở hội ngày 01/9/2021 (dây A), dây hội này hội viên đã đóng cho bà H số tiền 25.100.000đồng.

Ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông P có tham gia dây hội quý 5.000.000 đồng khai ngày 01/9/2021 (dây B) do bà Phạm Thị H làm đầu thảo cùng với bà Đ1, hội có 16 phần, hội viên đã đóng tiền hội cho bà H 08 lần với tổng số tiền là 26.750.000đồng.

Ông Võ Minh H1 trình bày: Ông H1 có tham gia dây hội 5.000.000 đồng bắt đầu khai ngày 15/4/2022, 01 năm khai 03 lần, 04 tháng khai 1 lần, gồm 11 phần, do bà Phạm Thị H làm đầu thảo cùng với bà Đ1, hội có 16 phần, hội viên đã đóng tiền hội cho bà H 04 lần với tổng số tiền 12.250.000đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị H chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hui bà đã đóng cho 03 dây hui là 68.300.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/6/2024, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng có điều chỉnh lại số tiền: yêu cầu ông V1, bà H trả số tiền 64.100.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1, bà H trả tổng số tiền cho 03 dây hui là 64.100.000 đồng, thấy rằng:

Bà Đ cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà có tham gia 03 dây hui do bà H làm đầu thảo và đã đóng số tiền hui của từng dây là: Dây hui quý 5.000.000đồng khai ngày 01/9/2021, 1 năm khai 4 lần, 03 tháng khai 1 lần, gồm 16 phần, bà Đ tham gia 1 phần (dây A), tên trong danh sách hui là Bà Út Đ1, đóng hui được 8 lần với số tiền 25.100.000đồng; Dây hui vụ 5.000.000đồng, bắt đầu khai ngày mùng 01/9/2021, 01 năm khai 04 lần, 03 tháng khai 1 lần, gồm 16 phần, bà Đ1 tham gia 1 phần (dây B), tên trong danh sách hui là bà Út Đ1, dây hui này hui viên đã đóng được 8 lần với số tiền 26.750.000đồng; Dây hui 5.000.000đồng, bắt đầu khai ngày 15/4/2022, 01 năm khai 03 lần, 04 tháng khai 1 lần, gồm 11 phần, bà Đ1 tham gia 1 phần, tên trong danh sách hui là bà Út Đ1, đã đóng được 4 lần với số tiền 12.250.000đồng. Nội dung này được ông V1 và những người làm chứng là bà T, ông P và ông H1 xác nhận, phù hợp với các tài liệu khác trong hồ sơ.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cách thức tham gia hui do bà Phạm Thị H làm thảo hui không lập thành văn bản, khi bỏ thăm hót hui, đóng hui cũng không có ký tên; bà H chỉ lập danh sách thành viên tham gia dây hui và thông báo đến các hui viên về số lượng thành viên tham gia, số phần trong dây hui, số tiền cần đóng, các hui viên không cần trực tiếp tham gia bỏ hui với nhau mà tất cả các thông tin đều do bà H điện thoại thông báo. Đối chiếu sổ hui do bà H, bà T lập và lời trình bày của các người làm chứng (bà T, ông P, ông H1) cùng tham gia chung các dây hui với nguyên đơn và bản án số 21/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng có hiệu lực nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn V1: Ông V1 là chồng bà H, thời gian bà H làm chủ thảo hụi thì giữa ông V1 và bà H vẫn còn là hôn nhân hợp pháp. Việc bà H làm thảo hụi ông V1 có biết và ông cũng biết bà Đ1 có tham gia hụi do vợ ông làm đầu thảo. Trước yêu cầu của nguyên đơn, ông V1 đồng ý cùng bà H trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1 trả nợ cùng bà H là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471 của BLDS năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hụi”. Bị đơn Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H cư trú tại ấp X, xã V, huyện V nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền hụi bà đã đóng của 03 dây hụi là 68.300.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ khác bà Đ yêu cầu ông V1, bà H trả số tiền 64.100.000 đồng. Xét thấy, việc bà Đ có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng vẫn nằm trong giới hạn đơn khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[3.2] Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà H và ông V1 trả lại tiền hụi đã đóng của 03 dây hụi và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm danh sách hụi, bảng kê số tiền hụi đã đóng, phù hợp với sổ hụi của bà H, lời khai người làm chứng cũng như sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn V1. Theo đó thể hiện bà Nguyễn Thị Đ có tham gia 03 dây hụi 5.000.000 đồng đồng, đã đóng cho bà Phạm Thị H tổng số tiền 64.100.000 đồng là có thật.

[3.3] Xét thấy, việc tổ chức chơi hụi chỉ theo tập quán ở địa phương và dựa vào niềm tin, việc tham gia hụi, giao tiền đóng hụi không thể hiện bằng biên nhận hay văn bản rõ ràng mà chỉ nói miệng với nhau hoặc tự ghi sổ theo dõi, tuy nhiên số tiền hụi nguyên đơn đã đóng cho bà H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ

khác có trong hồ sơ, bà H là đầu thảo tự ý ngưng khai hội nên hội viên yêu cầu trả lại tiền hội đã đóng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.4] Về thực hiện nghĩa vụ liên đới: Do bà H và ông V1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, quá trình bà H làm đầu thảo nhiều dây hội thì ông V1 đều biết và bà H sử dụng tiền hoa hồng của chủ thảo để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên việc nguyên đơn yêu cầu ông V1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả lại tiền hội là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.5] Về tiền lãi: Do bà Đ không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc Tranh chấp về hội với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 64.100.000 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 phải liên đới chịu 3.205.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 1.707.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0002443 ngày 17/01/2024.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh